

Số: 437/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tạm thời về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định tạm thời về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các văn bản sau:

1. Quyết định số 1593/QĐ-ĐHQG ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM;

2. Quyết định số 1568/QĐ-ĐHQG ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM ban hành kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-ĐHQG;

3. Hướng dẫn số 1905/HD-ĐHQG ngày 28 tháng 8 năm 2025 của ĐHQG-HCM về việc triển khai đề tài khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM thuộc Chương trình “Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản tích hợp với công nghệ chiến lược tại ĐHQG-HCM, đạt trình độ tiên tiến, ngang tầm khu vực và thế giới giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045”;

4. Hướng dẫn số 459/HD-ĐHQG ngày 13 tháng 3 năm 2026 của ĐHQG-HCM về việc triển khai cụm/chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM tập trung phát triển nguồn nhân lực, gia tăng công bố quốc tế và tài sản trí tuệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng các ban chức năng có liên quan, Thủ trưởng các đơn vị thành viên và trực thuộc, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.



Nguyễn Thị Thanh Mai

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng giao nhiệm vụ, quản lý, tổ chức thực hiện, chấm dứt, thanh lý hợp đồng, đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM).
- Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Công bố khoa học có hợp tác quốc tế là công trình có ít nhất một tác giả ghi địa chỉ công tác tại viện nghiên cứu hoặc trường đại học hoặc các tổ chức nghiên cứu quốc tế uy tín khác.
- Cụm nhiệm vụ là tập hợp từ 03 nhiệm vụ trở lên có liên quan chặt chẽ nhằm giải quyết chung một vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tổ chức, triển khai đồng bộ, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Chuỗi nhiệm vụ là tập hợp từ 03 nhiệm vụ trở lên được thiết kế, tổ chức thực hiện theo trình tự từ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đến đổi mới sáng tạo có liên kết chặt chẽ, được giao cho một tổ chức, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm giải quyết một vấn đề khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mỗi nhiệm vụ trong chuỗi đều có mục tiêu cụ thể và là một giai đoạn trong việc hoàn thành mục tiêu chung của toàn chuỗi.
- Các từ ngữ khác được sử dụng trong văn bản này được định nghĩa theo Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nhiệm vụ) được phân loại theo Điều 4 và Điều 7 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, bao gồm:

1. *Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản*: có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng tạo ra tri thức khoa học mới, góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; áp dụng phương pháp nghiên cứu tiên tiến; có kết quả công bố trên các ấn phẩm trong nước và quốc tế.

2. *Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng*: có tính mới, tính sáng tạo, ý nghĩa khoa học; có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, xây dựng chính sách; có ý nghĩa thực tiễn và tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. *Nhiệm vụ phát triển công nghệ*: góp phần tạo ra công nghệ có tính mới, tính sáng tạo, phù hợp với xu thế công nghệ trong nước và quốc tế; có khả năng ứng dụng sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế nhằm kiểm soát chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất thương mại; có doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; có khả năng huy động kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện.

4. *Nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội*: phải xuất phát từ nhu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa phương, vùng, quốc gia, hoặc phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực; kết quả đóng góp về lý luận, học thuật; góp phần đề xuất các giải pháp, chính sách, pháp luật, mô hình, quy trình, phương thức tổ chức, quản lý có tính đột phá, đổi mới và khả năng ứng dụng cao; có tổ chức tiếp nhận, ứng dụng.

Điều 4. Loại hình nhiệm vụ

Nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ được định nghĩa tại Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Nhiệm vụ cấp ĐHQG-HCM bao gồm các loại hình như sau:

1. Nhiệm vụ loại A: quy mô kinh phí từ 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm.

2. Nhiệm vụ loại B: quy mô kinh phí từ 300 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm.

3. Nhiệm vụ loại C: quy mô kinh phí đến 200 triệu đồng, thời gian thực hiện là 01 năm.

4. Nhiệm vụ phát triển công nghệ: quy mô kinh phí tối đa 03 tỷ đồng hoặc cao hơn do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét quyết định, thời gian thực hiện tối đa 18 tháng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu giải pháp xã hội: quy mô kinh phí tối đa 03 tỷ đồng, thời gian thực hiện tối đa 18 tháng.

6. Cụm nhiệm vụ: quy mô kinh phí tối đa 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 03 đến 04 năm, có thể gia hạn tùy tình hình thực tế.

7. Chuỗi nhiệm vụ: quy mô kinh phí tối đa 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 03 đến 04 năm, có thể gia hạn tùy tình hình thực tế.

Điều 5. Tiêu chí đối với nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ cấp ĐHQG-HCM tập trung phát triển công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, gia tăng công bố quốc tế, tài sản trí tuệ; thiết lập và triển khai hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, địa phương; ưu tiên công bố khoa học trong danh mục có xếp hạng cao, sáng chế quốc tế, phát triển sản phẩm chiến lược, sản phẩm có khả năng ứng dụng cao, gắn kết chặt chẽ với đào tạo sau đại học nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển ĐHQG-HCM thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á.

2. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng có kinh phí từ 01 tỷ đồng trở lên: ngoài việc đáp ứng các yêu cầu tại Điều 3 của Quy định này, nhiệm vụ cần đáp ứng đồng thời các tiêu chí như sau:

a) Tập trung phát triển sản phẩm có tính liên ngành, tập trung nghiên cứu công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, giải quyết các vấn đề trọng điểm của quốc gia, địa phương, doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí/hội nghị quốc tế uy tín xếp hạng cao hoặc đăng ký sáng chế và/hoặc có hợp tác nghiên cứu với chuyên gia/viện/trường nước ngoài uy tín hoặc báo cáo tư vấn, khuyến nghị chính sách hoặc mô hình quản lý được cơ quan có thẩm quyền (Trung ương, địa phương...) sử dụng làm luận cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật/chính sách (có văn bản tiếp nhận của cơ quan thụ hưởng). Hội đồng thẩm định đánh giá về số lượng, chất lượng sản phẩm tương thích với nội dung nghiên cứu và kinh phí đề xuất, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định. ĐHQG-HCM ưu tiên phê duyệt đối với hồ sơ có đăng ký sáng chế quốc tế;

b) Đào tạo sau đại học theo nguyên tắc quy đổi: cứ mỗi 1,2 đến 1,5 tỷ đồng tương ứng đào tạo tối thiểu 01 nghiên cứu sinh. Trường hợp nhiệm vụ không thể đào tạo nghiên cứu sinh vì lý do đặc thù của đơn vị hoặc lĩnh vực nghiên cứu, đơn vị có văn bản giải trình và đề xuất giải pháp tương đương, có thể quy đổi 01 nghiên cứu sinh tương đương 03 học viên cao học. Hội đồng thẩm định kiến nghị, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

3. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng có kinh phí từ 300 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng, ưu tiên bài báo công bố trên Tạp chí ĐHQG-HCM. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu tại Điều 3 Quy định này, nhiệm vụ cần đáp ứng đồng thời các tiêu chí như sau:

a) Tập trung phát triển sản phẩm có giá trị khoa học hoặc thực tiễn, có công bố trên tạp chí/hội nghị quốc tế uy tín hoặc đăng ký giải pháp hữu ích và/hoặc có hợp tác nghiên cứu với chuyên gia/viện/trường nước ngoài uy tín hoặc báo cáo tư vấn, khuyến nghị chính sách hoặc mô hình quản lý được cơ quan có thẩm quyền (Trung ương, địa phương...) sử dụng làm luận cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật/chính sách (có văn bản tiếp nhận của cơ quan thụ hưởng). Hội đồng thẩm định đánh giá về số lượng, chất lượng sản phẩm tương thích với nội dung nghiên cứu và kinh phí đề xuất, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định;

b) Đào tạo sau đại học tối thiểu 02 học viên cao học đối với nhiệm vụ trên 500 triệu đồng; tối thiểu 01 học viên cao học đối với nhiệm vụ dưới 500 triệu đồng. ĐHQG-HCM ưu tiên phê duyệt đối với hồ sơ đăng ký đào tạo nghiên cứu sinh;

c) Nhiệm vụ loại C: có tối thiểu 01 công bố khoa học thuộc danh mục Scopus hoặc tài sản trí tuệ ngoại trừ quyền tác giả. Nhiệm vụ loại C được triển khai dưới hình thức cụm nhiệm vụ do lãnh đạo đơn vị, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm có năng lực tập hợp nguồn lực triển khai. ĐHQG-HCM ưu tiên phê duyệt hồ sơ có nhà khoa học trẻ, vừa tốt nghiệp đại học, được giữ lại công tác tại các đơn vị trong ĐHQG-HCM hoặc nhà khoa học mới được tuyển dụng hoặc nhà khoa học chưa từng có công bố quốc tế tham gia. Các trường hợp khác, do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

4. Nhiệm vụ phát triển công nghệ: kết quả của nhiệm vụ phải được thử nghiệm trong môi trường thực tế, đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp/giống cây trồng được chấp nhận đơn hợp lệ hoặc được cấp văn bằng bảo hộ.

- Có phương án ứng dụng, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ và dự kiến doanh thu đạt được trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu giải pháp xã hội: kết quả nhiệm vụ là giải pháp hoặc sáng kiến được triển khai và được đánh giá tác động thực tiễn, có phương án triển khai thực tế và có khả năng nhân rộng.

6. Đối với nhiệm vụ đặt hàng: ĐHQG-HCM xem xét tiêu chí và kinh phí nhiệm vụ dựa trên mức độ hoàn thiện của sản phẩm khoa học, khả năng đáp ứng mục tiêu đặt hàng.

7. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

Điều 6. Điều kiện, yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì

1. Tổ chức chủ trì là đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHQG-HCM, có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ, có cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật đảm bảo khả thi triển khai nhiệm vụ.

2. ĐHQG-HCM xem xét giới hạn số lượng nhiệm vụ đăng ký đối với những đơn vị có số lượng nhiệm vụ trễ hạn, nhiệm vụ chưa hoàn thành trên 50% trong năm trước liền kề theo thông báo đăng ký nhiệm vụ từng năm.

3. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

Điều 7. Điều kiện, yêu cầu đối với nhân lực thực hiện

1. Tiêu chuẩn đối với chủ nhiệm: chủ nhiệm là viên chức, người lao động, người học tại ĐHQG-HCM, không bị kỷ luật hoặc đã hết hạn kỷ luật tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Về năng lực, chủ nhiệm từng loại hình nhiệm vụ cần đáp ứng yêu cầu tương ứng sau:

- Chủ nhiệm cụm/chuỗi nhiệm vụ: đã từng làm chủ nhiệm nhiệm vụ có kinh phí từ 02 tỷ đồng trở lên (01 tỷ đồng đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) hoặc là tác giả chính của sáng chế quốc tế/bài báo quốc tế thuộc top 10% (top 20% đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) ngành/lĩnh vực hoặc lãnh đạo đơn vị, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm có năng lực tập hợp nguồn lực triển khai nhiệm vụ.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ loại A: đã từng làm chủ nhiệm nhiệm vụ có kinh phí từ 01 tỷ đồng trở lên hoặc tác giả chính của sáng chế trong nước/bài báo quốc tế Q1/sản phẩm ứng dụng (giải pháp/sáng kiến/mô hình,...) có minh chứng đã triển khai.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ loại B: là tác giả chính của giải pháp hữu ích/bài báo quốc tế Q2/sản phẩm ứng dụng (giải pháp/sáng kiến/mô hình,...) có minh chứng đã triển khai.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ loại C: là nhà khoa học thuộc ĐHQG-HCM, ưu tiên nhà khoa học trẻ, vừa tốt nghiệp đại học, được giữ lại công tác tại các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM hoặc nhà khoa học mới được tuyển dụng hoặc nhà khoa học chưa từng có công bố quốc tế.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ phát triển công nghệ/nghiên cứu giải pháp xã hội: có kết quả nghiên cứu (giải pháp/sáng kiến/mô hình,...) được chuyển giao/ứng dụng, có minh chứng đã triển khai.

- Trường hợp khác, Hội đồng thẩm định có ý kiến tư vấn, Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

2. Tiêu chuẩn đối với nhân lực thực hiện: chủ nhiệm/thư ký khoa học/thành viên chính/thành viên là người trực tiếp thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; là viên chức, người lao động, người học tại ĐHQG-HCM; có chuyên môn phù hợp lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; có năng lực triển khai kế hoạch nghiên cứu; có đủ thời gian để thực hiện công việc của nhiệm vụ; không bị kỷ luật hoặc đã hết hạn kỷ luật tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Đối với từng loại hình nhiệm vụ, nhân lực thực hiện cần đáp ứng yêu cầu tương ứng sau:

- Đối với cụm/chuỗi nhiệm vụ: có tối thiểu 02 thành viên tham gia thực hiện có học vị tiến sĩ, là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế uy tín/văn bằng

sở hữu trí tuệ trong 05 năm gần nhất hoặc có ít nhất 01 công trình có kết quả nghiên cứu đóng góp về lý luận và thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc ứng dụng, góp phần đề xuất các giải pháp, chính sách, mô hình và phương thức quản lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với nhiệm vụ loại A, loại B; nhiệm vụ phát triển công nghệ, nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội: có tối thiểu 01 thành viên thực hiện có học vị tiến sĩ hoặc là tác giả của ít nhất 01 công bố quốc tế uy tín/văn bằng sở hữu trí tuệ/kết quả đã ứng dụng trong 05 năm gần nhất, phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

3. Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét vai trò đồng chủ nhiệm đối với nhiệm vụ/nhiệm vụ thành phần thuộc cụm/chuỗi nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- Nhiệm vụ có tính liên ngành cao, giải quyết các vấn đề phức tạp đòi hỏi chuyên môn sâu ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Nhiệm vụ có hợp tác quốc tế/trong nước cấp ĐHQG-HCM: có sự hợp tác với các nhà khoa học, chuyên gia từ các viện nghiên cứu, bệnh viện, trường đại học và các tổ chức khác uy tín nhằm triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với ĐHQG-HCM.

- Nhiệm vụ gắn kết doanh nghiệp: có sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ nhằm mục tiêu đổi mới sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

4. Ưu tiên cán bộ nghiên cứu dưới 40 tuổi; cán bộ nghiên cứu nữ, cán bộ nghiên cứu có thành tích về hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác với chuyên gia quốc tế uy tín; kết quả sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị khoa học, thực tiễn được đánh giá cao; tham gia đào tạo sau đại học hoặc đang làm nghiên cứu sinh; công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế, quốc gia uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; được tặng giải thưởng uy tín hoặc được cấp bằng phát minh sáng chế, sở hữu trí tuệ; ưu tiên chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia sinh hoạt chuyên môn và triển khai nhiệm vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm.

5. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ

Điều 8. Thông báo và đăng ký nhiệm vụ

1. Định kỳ hoặc đột xuất, ĐHQG-HCM thông báo kế hoạch tuyển chọn hoặc đặt hàng nhiệm vụ cấp ĐHQG-HCM.

2. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu quy định được đăng tải trên hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ĐHQG-HCM, bao gồm:

a) Thuyết minh nhiệm vụ;

b) Lý lịch khoa học của cá nhân tham gia (chủ nhiệm, thư ký khoa học, thành viên chính, thành viên), cá nhân phối hợp (chuyên gia trong và ngoài nước nếu có);

c) Minh chứng hợp tác trong nước và quốc tế gồm giấy xác nhận phối hợp theo mẫu hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác (MOU/MOA) hoặc thư xác nhận tham gia qua thư điện tử đối với chuyên gia ngoài nước hoặc hợp đồng nguyên tắc và các dạng văn bản khác trong đó nêu rõ sự đồng ý tham gia, phân công nhiệm vụ, chia sẻ nguồn lực (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) và quyền tác giả, sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm của nhiệm vụ (nếu có);

d) Minh chứng nguồn kinh phí huy động và văn bản khác (nếu có).

3. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu quy định, nộp đúng thời hạn theo thông báo.

4. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

Điều 9. Tổ chức thẩm định

1. ĐHQG-HCM tiến hành sơ tuyển, rà soát theo Điều 5, 6, 7 của Quy định này trước khi thẩm định nhiệm vụ. ĐHQG-HCM tổ chức thẩm định nhiệm vụ theo Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và quy định của ĐHQG-HCM, bao gồm thẩm định chuyên môn và thẩm định kinh phí.

2. Thẩm định chuyên môn:

Hội đồng thẩm định xem xét các nội dung sau:

a) Tên nhiệm vụ, mục tiêu, số lượng, chất lượng sản phẩm, kinh phí thực hiện cần phù hợp chiến lược phát triển của ĐHQG-HCM;

b) Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu cụ thể, phù hợp với quy mô;

c) Phương pháp nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy, tính khả thi;

d) Nội dung nghiên cứu rõ ràng, khoa học, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và sản phẩm;

đ) Tiến độ thực hiện phù hợp với nội dung nghiên cứu;

e) Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng (nếu có) phù hợp với dự kiến kết quả nghiên cứu, đảm bảo tính khả thi;

g) Tác động và lợi ích mang lại của các kết quả nghiên cứu;

h) Dự toán kinh phí phù hợp với mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm đăng ký, các hoạt động hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu, các quy định về tài chính hiện hành. thuyết minh rõ các nội dung chi và các nội dung có liên quan khác;

i) Năng lực, kinh nghiệm, thành tích trong nghiên cứu khoa học và tổ chức triển khai thực hiện của chủ nhiệm, các thành viên tham gia và cá nhân/tổ chức tham gia phối hợp thực hiện;

k) Các nội dung chuyên môn có liên quan khác.

3. Thẩm định kinh phí:

Tổ thẩm định xem xét các nội dung sau:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí với nội dung nghiên cứu;

b) Sản phẩm đăng ký phù hợp định mức tổng kinh phí quy định tại Phụ lục đính kèm, một số sản phẩm có phân biệt nhiệm vụ không mua vật tư và có mua vật tư;

c) Chi cho thành viên nhóm nghiên cứu tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, ưu tiên hội nghị, hội thảo quốc tế; chi cho đoàn ra, đoàn vào trao đổi nghiên cứu ngắn hạn. Các nội dung chi này được đánh giá và phê duyệt dựa trên sự phù hợp giữa nội dung, dự toán với kết quả đầu ra;

d) Đối với nhiệm vụ có nghiên cứu trên động vật, nhiệm vụ có đề nghị bổ sung vật tư ngoài sản phẩm đã đăng ký, nhiệm vụ có đăng ký các sản phẩm đặc thù trong lĩnh vực khoa học sức khỏe: nhóm nghiên cứu cần thuyết minh rõ nhu cầu về vật tư nghiên cứu, thử nghiệm, minh chứng về chất lượng kết quả đầu ra. Hội đồng thẩm định chuyên môn đánh giá, đề xuất mức chi, Tổ thẩm định xem xét, đánh giá kinh phí;

đ) Dự toán chi của nhiệm vụ phù hợp với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành do các cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định tài chính có liên quan khác;

e) Tổng kinh phí đề nghị thực hiện nhiệm vụ sau khi thẩm định không vượt quá kinh phí đề xuất ban đầu. Trường hợp kinh phí tăng so với đề xuất, Ban Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

4. Việc đánh giá thẩm định chuyên môn và kinh phí nhiệm vụ được thực hiện như sau:

a) Đối với nhiệm vụ có kinh phí từ 01 tỷ đồng trở lên: thẩm định chuyên môn theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều này. Thẩm định kinh phí thông qua Tổ thẩm định theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều này;

b) Đối với nhiệm vụ có kinh phí dưới 01 tỷ đồng. ĐHQG-HCM thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp (gọi là Hội đồng thẩm định) để đánh giá thẩm định chuyên môn và kinh phí.

5. Tổ chức chủ trì giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ để ĐHQG-HCM xem xét phê duyệt, trong đó, gồm dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Các nghiên cứu có liên quan đến con người, động vật phải được thẩm định, phê duyệt bởi các Hội đồng đạo đức nhằm bảo vệ khách thể nghiên cứu theo quy định hiện hành trước khi triển khai thu thập dữ liệu.

7. Việc hủy kết quả thẩm định (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

8. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

Điều 10. Phê duyệt nhiệm vụ

1. ĐHQG-HCM phê duyệt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Ban Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ trình Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt. Thời gian phê duyệt nhiệm vụ tối đa 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ.

3. Giám đốc ĐHQG-HCM ủy quyền cho Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ rà soát, ký phê duyệt hồ sơ thực hiện nhiệm vụ.

4. ĐHQG-HCM công khai kết quả phê duyệt nhiệm vụ trên trang thông tin điện tử chính thức.

5. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III

KÝ HỢP ĐỒNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT NHIỆM VỤ

Điều 11. Hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày được Trung ương giao kinh phí hoặc từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ, ĐHQG-HCM thực hiện ký hợp đồng giao nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì.

2. Kể từ thời điểm hợp đồng giao nhiệm vụ có hiệu lực, Tổ chức chủ trì chủ động phê duyệt dự toán chi tiết theo quy định và chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Căn cứ khả năng bố trí kinh phí, nội dung hợp đồng giao nhiệm vụ, ĐHQG-HCM thực hiện cấp kinh phí theo quy định hiện hành về quản lý tài chính, ngân sách và hợp đồng.

4. Căn cứ yêu cầu quản lý, điều kiện thực tế và các văn bản quy định khác có liên quan, ĐHQG-HCM có thể sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung trong hợp đồng cho phù hợp với tình hình triển khai nhưng phải đảm bảo quát đầy đủ các nội dung cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

Điều 12. Đánh giá trong kỳ

ĐHQG-HCM thực hiện việc đánh giá trong kỳ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM theo trình tự và phương thức sau:

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm cập nhật tình hình thực hiện nội dung, công việc, sử dụng nguyên vật liệu theo tiến độ triển khai tối thiểu 01 lần/tháng trên hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ĐHQG-HCM; trong trường hợp phát sinh các vấn đề liên quan trong thẩm quyền ĐHQG-HCM, Tổ chức chủ trì có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo các kiến nghị.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo tóm tắt kết quả định kỳ 06 tháng/lần trên hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM.

3. Định kỳ mỗi năm một lần, Tổ chức chủ trì chuẩn bị báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ và các tài liệu, sản phẩm minh chứng (nếu có) nộp thông qua hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ĐHQG-HCM. Thời hạn nộp báo cáo theo tiến độ tại hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc theo yêu cầu đột xuất của ĐHQG-HCM.

4. Căn cứ loại hình nhiệm vụ, kết quả dự kiến của nhiệm vụ, ĐHQG-HCM thành lập Hội đồng đánh giá trong kỳ, tiến hành đánh giá theo phương thức trực tiếp, phương thức trực tuyến hoặc kết hợp hai phương thức trực tiếp và trực tuyến dựa trên hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổ chức chủ trì.

5. Kết quả đánh giá là căn cứ để ĐHQG-HCM xem xét:

- a) Cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ;
- b) Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

Việc điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM, cụ thể như sau:

a) ĐHQG-HCM xem xét điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ đối với các nội dung sau: mục tiêu, nội dung, kết quả cuối cùng, thời gian thực hiện; tổng kinh phí được phê duyệt; quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ; thay đổi tên gọi hoặc tư cách pháp nhân của Tổ chức chủ trì do sáp nhập, chia tách, đổi tên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trình tự thực hiện điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh kèm theo hồ sơ liên quan đến ĐHQG-HCM. Trường hợp cần thiết, ĐHQG-HCM gửi văn bản đề nghị bổ sung tài liệu minh chứng có liên quan đến các nội

dung điều chỉnh. ĐHQG-HCM xem xét hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể tham vấn chuyên gia, tổ chức hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các bên liên quan;

c) Các nội dung khác với điểm a khoản 1 Điều này thuộc thẩm quyền quyết định của Tổ chức chủ trì. Tổ chức chủ trì chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh, trừ trường hợp điều chỉnh sản phẩm là kết quả cuối cùng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo áp dụng khoản chi đến sản phẩm cuối cùng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 63 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Tổ chức chủ trì có trách nhiệm thực hiện cập nhật các nội dung điều chỉnh trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ cấp ĐHQG-HCM và báo cáo ĐHQG-HCM bằng văn bản trong thời gian 07 ngày kể từ thời điểm thực hiện việc điều chỉnh;

đ) Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh là cơ sở để tiếp tục triển khai nhiệm vụ theo nội dung điều chỉnh đã được chấp thuận.

2. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

Trình tự, thủ tục chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU RA CỦA NHIỆM VỤ

Điều 14. Nội dung và tiêu chí đánh giá

Nội dung và tiêu chí đánh giá được thực hiện theo khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM như sau:

1. Yêu cầu chung

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong hợp đồng giao nhiệm vụ; số lượng, chất lượng và mức độ hoàn thiện của các kết quả so với cam kết trong hợp đồng giao nhiệm vụ; khả năng ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc phục vụ công tác quản lý nhà nước;

b) Hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ thông qua việc xác định mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, giá trị tư vấn chính sách, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo;

c) Sản phẩm của nhiệm vụ không ghi đầy đủ địa chỉ và sự tài trợ của ĐHQG-HCM sẽ không được tính là sản phẩm. Sản phẩm có ghi nhận tài trợ trùng nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thì tính bằng tỷ lệ dựa trên số lượng nguồn tài trợ. Sản phẩm ghi nhận tài trợ kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (xã hội hóa, tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp trong nước, hợp tác quốc tế,...) thì được chấp nhận.

2. Sản phẩm và yêu cầu: các dạng sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM gồm:

a) Kết quả nghiên cứu bao gồm nhưng không giới hạn các loại sau và phải có tính mới: nguyên lý ứng dụng, phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...), đề án, quy hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi, mẫu (model, maket), sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường), vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các sản phẩm khác. Sản phẩm khoa học và công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao, thương mại hóa ghi nhận thương hiệu của ĐHQG-HCM theo hướng dẫn tại các văn bản liên quan;

b) Sản phẩm khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có minh chứng kèm theo, chi tiết theo mục IV Phụ lục đính kèm. Sản phẩm phải là kết quả nghiên cứu chính của nhiệm vụ;

c) Công bố khoa học gồm bài báo/bài viết, sách chuyên khảo phải ghi nhận sự tài trợ của ĐHQG-HCM đúng quy định, tác giả chính được xác định là chủ biên, tác giả thứ nhất (first author), tác giả liên hệ (corresponding author), tác giả cuối (last author) theo đặc thù ngành. Đối với công bố có tên các tác giả được xếp theo thứ tự chữ cái, thì số lượng tác giả thuộc ĐHQG-HCM phải từ 50% trở lên;

- Bài báo khoa học trên tạp chí/bài viết khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo phải là ấn phẩm được xuất bản chính thức hoặc công bố trực tuyến (published online) hoặc thư điện tử minh chứng công trình đã được chấp nhận đăng/xuất bản/in/phát hành. Nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu trong thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt. Trường hợp bài báo/báo viết được xuất bản trên tạp chí/kỷ yếu hội thảo có xếp hạng khác với thuyết minh được phê duyệt, Hội đồng đánh giá có thể xem xét các yếu tố như thời gian xếp hạng, chất lượng và tác động của công trình để đánh giá mức độ hoàn thành.

- Sách chuyên khảo phải là ấn phẩm được xuất bản chính thức tại nhà xuất bản khoa học chuyên ngành uy tín hoặc đã ký kết hợp đồng xuất bản. Nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu trong thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

d) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu trong thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt. Đăng ký sở hữu trí tuệ của nhiệm vụ phải ghi rõ chủ đơn là “ĐHQG-HCM” hoặc Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM. Tổ chức chủ trì cần có cam kết theo đuổi đơn cho đến khi sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ chính thức trong thời hạn 24 tháng từ ngày ký quyết định đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra.

đ) Đào tạo sau đại học: người học được công nhận là sản phẩm của nhiệm vụ phải trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu, luận án/luận văn có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu của nhiệm vụ.

Điều 15. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra

1. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra phải được nộp trong thời hạn thực hiện hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc thời gian được gia hạn (nếu có).

2. Ban Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; xác nhận tình trạng hồ sơ và thông báo cho Tổ chức chủ trì đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Tổ chức chủ trì phải bổ sung hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Hồ sơ đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra nhiệm vụ được thực hiện theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đánh giá, trong đó có nội dung cam kết về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin được cung cấp;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm;

c) Nhật ký nhiệm vụ (nhật ký thí nghiệm, nhật ký sử dụng vật tư, nguyên vật liệu,...), tài liệu chứng minh quá trình thực hiện nhiệm vụ;

d) Tài liệu xác nhận và minh chứng liên quan đến kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ (công bố, xuất bản, đào tạo, kết quả kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm, chuyển giao kết quả);

đ) Số liệu điều tra, khảo sát, phân tích và các tài liệu chuyên môn liên quan (nếu có);

e) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

g) Văn bản xác định mức độ đóng góp của thành viên phải có xác nhận của các thành viên tham gia để làm căn cứ phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (nếu có);

h) Báo cáo hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ thông qua việc xác định mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo.

Điều 16. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá hoặc hết thời gian bổ sung hồ sơ (nếu có), ĐHQG-HCM tổ chức thực hiện thủ tục đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

2. ĐHQG-HCM thành lập tổ chuyên gia hoặc mời chuyên gia tư vấn độc lập, Hội đồng để đánh giá. Việc đánh giá theo phương thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai

phương thức trực tiếp và trực tuyến. Kết quả đánh giá được lập thành báo cáo đánh giá, trong đó nêu rõ các nội dung, tiêu chí yêu cầu tại Điều 14 của Quy định này và bài học kinh nghiệm (nếu có). ĐHQG-HCM gửi văn bản thông báo kết quả đánh giá và báo cáo đánh giá cho Tổ chức chủ trì và cập nhật trên hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ĐHQG-HCM. Văn bản thông báo được gửi cho Tổ chức chủ trì trong thời gian không quá 45 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ.

3. Tiêu chí đối với chuyên gia, thành viên Hội đồng đánh giá:

a) Cá nhân tham gia đánh giá có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đánh giá nhiệm vụ; không có xung đột lợi ích (có quan hệ hướng dẫn học thuật với thành viên nhóm thực hiện, có công bố khoa học chung trong kết quả nhiệm vụ với nhóm thực hiện hoặc các trường hợp có xung đột khác);

b) Nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân tham gia đánh giá: đánh giá trung thực, khách quan và công bằng, minh bạch dựa trên chất lượng hồ sơ, mức độ hoàn thành so với mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động thực tiễn của nhiệm vụ so với hợp đồng giao nhiệm vụ; việc thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của tổ chuyên gia; cá nhân tham gia thực hiện đánh giá không được sử dụng, công bố, lưu giữ hoặc khai thác trái phép thông tin, kết quả của nhiệm vụ; giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá.

Điều 17. Công nhận, đăng ký kết quả của nhiệm vụ

1. ĐHQG-HCM công nhận kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ đã hoàn thành quy trình đánh giá kết quả theo Điều 18 Quy định này.

2. Đối với nhiệm vụ thành phần thuộc cụm/chuỗi nhiệm vụ, căn cứ hồ sơ đề xuất của Tổ chức chủ trì, ĐHQG-HCM công nhận kết quả tương đương các loại hình nhiệm vụ cấp ĐHQG-HCM khi sản phẩm đáp ứng tiêu chí đối với nhiệm vụ tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 18. Quản trị rủi ro trong nghiên cứu, thanh lý hợp đồng, xử lý tài sản, quản lý và thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ

1. Quản trị rủi ro trong nghiên cứu được thực hiện theo Điều 35, 36, 37, 38, 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

2. Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

3. Quy định về việc xử lý tài sản, quản lý và thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ được thực hiện theo Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, quy định hiện hành của pháp luật và của ĐHQG-HCM.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản: Quyết định số 1593/QĐ-ĐHQG ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM; Quyết định số 1568/QĐ-ĐHQG ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM ban hành kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-ĐHQG; Hướng dẫn số 1905/HD-ĐHQG ngày 28 tháng 8 năm 2025 của ĐHQG-HCM về việc triển khai đề tài khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM thuộc Chương trình “Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản tích hợp với công nghệ chiến lược tại ĐHQG-HCM, đạt trình độ tiên tiến, ngang tầm khu vực và thế giới giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045”; Hướng dẫn số 459/HD-ĐHQG ngày 13 tháng 3 năm 2026 của ĐHQG-HCM về việc triển khai cụm/chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp ĐHQG-HCM tập trung phát triển nguồn nhân lực, gia tăng công bố quốc tế và tài sản trí tuệ và các văn bản trước đây về các nội dung có liên quan.

2. Các nhiệm vụ được ĐHQG-HCM phê duyệt/phê duyệt danh mục/phê duyệt chủ trương trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các văn bản tại khoản 1 Điều này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về ĐHQG-HCM (thông qua Ban Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo Giám đốc xem xét, quyết định điều chỉnh./.

Phụ lục
KHÁI TOÁN KINH PHÍ TƯƠNG ỨNG SẢN PHẨM NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (ĐHQG-HCM)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng năm 2026 của Giám đốc ĐHQG-HCM)

I. Công bố khoa học

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
I.1	Bài báo quốc tế thuộc nhóm có xếp hạng cao		
I.1.1	$T1$	Top 1% ngành hoặc lĩnh vực (Nature, Science, Cell,...)	1.000
I.1.2	$T5$	Top 5% ngành	700
I.1.3	$T10$	Top 10% ngành	500
I.1.4	$T20$	Top 20% ngành	350
I.2	Bài báo quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS		
I.2.1	$Q1^w$	- Q1	250-300
I.2.2	$Q2^w$	- Q2	200-250
I.2.3	$Q3^w$	- Q3	150-200
I.2.4	$Q4^w$	- Q4	100-150
I.3	Bài báo quốc tế uy tín thuộc danh mục ESCI/Scopus		
I.3.1	$Q1^{E/S}$	- Q1	200-250
I.3.2	$Q2^{E/S}$	- Q2	150-200
I.3.3	$Q3^{E/S}$	- Q3	125-150
I.3.4	$Q4^{E/S}$	- Q4	100-125
I.3.5	Q^S	Scopus (chưa xếp hạng Q)/hội nghị Scopus	75-100
I.4	Bài viết hội nghị/hội thảo quốc tế uy tín thuộc bảng xếp hạng CORE trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện, điện tử,..		
I.4.1	A^*	- Hạng A*	500
I.4.2	A	- Hạng A	300

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
I.4.3	B	- Hạng B	150
I.4.4	C	- Hạng C	100
I.4.5	K	- Hạng khác	75
I.5	Sách chuyên khảo/bộ sách/tuyển tập		
I.5.1	S^{CK1}	- Sách chuyên khảo khoa học xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế uy tín	400
I.5.2	S^{CK2}	- Sách chuyên khảo có giá trị học thuật lâu dài, sử dụng trong nghiên cứu và đào tạo được xuất bản tại nhà xuất bản uy tín trong nước	300
I.5.3	S^{SR}	- Bộ sách/Tuyển tập sách (book series) xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế uy tín	300

II. Tài sản trí tuệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
II.1	SQ	Sáng chế quốc tế (từ nghiên cứu đến được cấp văn bằng), chia thành 02 giai đoạn	650
II.1.1	SQ1	- Từ nghiên cứu đến chấp nhận đơn hợp lệ	550
II.1.2	SQ2	- Từ chấp nhận đơn hợp lệ đến được cấp văn bằng	100
II.2	ST	Sáng chế trong nước (từ nghiên cứu đến được cấp văn bằng), chia thành 02 giai đoạn	300
II.2.1	ST1	- Từ nghiên cứu đến chấp nhận đơn hợp lệ	200
II.2.2	ST2	- Từ chấp nhận đơn hợp lệ đến được cấp văn bằng	100
II.3	GH	Giải pháp hữu ích (từ nghiên cứu đến được cấp văn bằng), chia thành 02 giai đoạn	200
II.3.1	GH1	- Từ nghiên cứu đến chấp nhận đơn hợp lệ	150
II.3.2	GH2	- Từ chấp nhận đơn hợp lệ đến được cấp văn bằng	50
II.4	TM	Thiết kế bố trí mạch tích hợp (từ nghiên cứu đến được cấp văn bằng), chia thành 02 giai đoạn	150
II.4.1	TM1	- Từ nghiên cứu đến chấp nhận đơn hợp lệ	100
II.4.2	TM2	- Từ chấp nhận đơn hợp lệ đến được cấp văn bằng	50

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
II.5	KC	Kiểu dáng công nghiệp (từ nghiên cứu đến được cấp văn bằng), chia thành 02 giai đoạn	120
II.5.1	KC1	- Từ nghiên cứu đến chấp nhận đơn hợp lệ	70
II.5.2	KC2	- Từ chấp nhận đơn hợp lệ đến được cấp văn bằng	50
II.6	QTG	Quyền tác giả	50

III. Đào tạo sau đại học

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
III.1	NCS	Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ, thời gian thực hiện nhiệm vụ tối đa 03 năm đối với nghiên cứu sinh, điều kiện xem xét hỗ trợ: 1. Nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc một trong các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM. 2. Nghiên cứu sinh có kết quả học tập, thành tích và kinh nghiệm nghiên cứu, được tham gia chương trình thông qua đánh giá của cơ sở đào tạo và cam kết tham gia chương trình đào tạo toàn thời gian. 3. Nghiên cứu sinh cam kết tham gia chương trình đào tạo toàn thời gian, được hỗ trợ chi phí nghiên cứu lên đến 560 triệu đồng/người, được chi trả theo tháng hoặc theo thỏa thuận với nhóm nghiên cứu, Tổ chức chủ trì. Đối với nghiên cứu sinh là viên chức, người lao động thuộc ĐHQG-HCM, được cơ sở đào tạo hỗ trợ học phí, mức kinh phí hỗ trợ chi phí nghiên cứu lên đến 180 triệu đồng/người. Kinh phí này được điều chỉnh linh hoạt từ các nguồn khác nhau gồm ngân sách nhà nước, nguồn từ đơn vị và các khoản tài trợ khác. 4. Nghiên cứu sinh có nghĩa vụ tham gia thực hiện nhiệm vụ và bảo vệ thành công luận án cấp đơn vị chuyên môn, là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo quốc tế theo chương trình đào tạo. 5. Nghiên cứu sinh được hưởng một phần hoặc toàn phần theo KPI dựa trên tỷ lệ đóng góp khi là đồng tác giả/tác giả chính của KPI ngoài yêu cầu chương trình đào tạo. 6. ĐHQG-HCM sẽ có văn bản khác hướng dẫn chi tiết cho hoạt động này.	560

STT	Ký hiệu	Mô tả	Kinh phí
III.2	ThS	Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, thời gian thực hiện nhiệm vụ tối đa 02 năm đối với học viên cao học, điều kiện xem xét hỗ trợ: 1. Học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ/chương trình liên thông/liên kết của ĐHQG-HCM. 2. Học viên có kết quả học tập, thành tích và kinh nghiệm nghiên cứu, được tham gia chương trình thông qua đánh giá của cơ sở đào tạo và cam kết tham gia chương trình đào tạo toàn thời gian. 3. Học viên cam kết tham gia chương trình đào tạo toàn thời gian, có thể được hỗ trợ chi phí nghiên cứu lên đến 160 triệu đồng/người, được chi trả theo tháng hoặc theo thỏa thuận với nhóm nghiên cứu, Tổ chức chủ trì. Đối với học viên là viên chức, người lao động thuộc ĐHQG-HCM, được cơ sở đào tạo hỗ trợ học phí, mức kinh phí hỗ trợ chi phí nghiên cứu lên đến 50 triệu đồng/người. Kinh phí này được điều chỉnh linh hoạt từ các nguồn khác nhau gồm ngân sách nhà nước, nguồn từ đơn vị và các khoản tài trợ khác. 4. Học viên có nghĩa vụ tham gia thực hiện nhiệm vụ và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, là tác giả chính của công bố khoa học theo chương trình đào tạo hoặc là đồng tác giả của công bố khoa học thuộc danh mục Scopus (Q^S). Học viên được hưởng một phần hoặc toàn phần theo KPI dựa trên tỷ lệ đóng góp khi là đồng tác giả/tác giả chính của KPI ngoài yêu cầu của chương trình đào tạo. 5. ĐHQG-HCM sẽ có văn bản khác hướng dẫn chi tiết cho hoạt động này.	160

IV. Sản phẩm khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Ký hiệu	Mô tả	Nơi tiếp nhận	Minh chứng	Kinh phí
IV.1	<i>Sản phẩm được sử dụng làm luận cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật/chính sách</i>				
IV.1.1	<i>B^{CS}</i>	Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật/chính sách	Văn phòng Trung ương Đảng/Văn phòng Quốc hội/Văn phòng Chính phủ/Ban Chính sách, chiến lược Trung ương/Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam/bộ, cơ quan ngang bộ/ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố	Công văn tiếp nhận, hồ sơ chính sách	500

STT	Ký hiệu	Mô tả	Nơi tiếp nhận	Minh chứng	Kinh phí
IV.1.2	B^{TD}	Báo cáo đánh giá tác động chính sách	Các bộ liên quan/hội đồng nhân dân/ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố	Hồ sơ chính sách có sử dụng	250-500
IV.1.3	B^{TK}	Báo cáo tổng kết thực hiện nghị quyết, chính sách, kế hoạch, chiến lược, kết luận,...	Bộ; ĐHQG-HCM; ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố	Báo cáo chính thức ban hành	400-500
IV.1.4	B^{TH}	Báo cáo nghiên cứu phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch	Chính phủ; bộ; ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố	Tích hợp vào đề án/quy hoạch	200-300
IV.1.5	B^{CD}	Bộ chỉ số đánh giá chính sách hoặc phát triển xã hội	Bộ; ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố; sở chuyên ngành	Quyết định ban hành	250-350
IV.1.6	B^{TC}	Bộ tiêu chí/công cụ đánh giá phục vụ quản lý	Bộ; sở; ủy ban nhân dân cấp phường/xã	Văn bản áp dụng	250-300
IV.1.7	B^{QD}	Quy định, quy trình, văn bản hướng dẫn, giải pháp chính sách, kế hoạch, chương trình hành động,...	Triển khai quy mô ĐHQG-HCM	Hồ sơ triển khai	300
IV.2	<i>Mô hình, giải pháp kinh tế/kỹ thuật được chuyển giao/triển khai thử nghiệm trong thực tiễn</i>				
IV.2.1	M^{QL}	Mô hình quản lý hoặc phát triển kinh tế – xã hội	Ủy ban nhân dân các cấp; sở chuyên ngành	Báo cáo triển khai, nghiệm thu	200-400

STT	Ký hiệu	Mô tả	Nơi tiếp nhận	Minh chứng	Kinh phí
IV.2.2	M^{DL}	Mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Doanh nghiệp; hợp tác xã; ủy ban nhân dân cấp phường/xã	Doanh thu, vận hành thực tế	300
IV.2.3	M^{BT}	Mô hình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa	Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch, Sở Du lịch; ủy ban nhân dân cấp phường/xã; cộng đồng	Hồ sơ triển khai	300
IV.2.4	M	Giải pháp kinh tế/kỹ thuật chuyên giao	Cấp Trung ương (bộ, ban ngành,...), ĐHQG-HCM Cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương Cấp phường/xã/doanh nghiệp	Hồ sơ triển khai	350-500
IV.3	<i>Dữ liệu/phương pháp củng cố, phát triển nền tảng học thuật</i>				
IV.3.1	D^{TT}	Nền tảng dữ liệu/hệ thống thông tin phục vụ nghiên cứu và quản lý	Bộ; cơ quan thống kê; viện nghiên cứu; trường đại học	Hệ thống vận hành	300-500
IV.3.2	D^{DL}	Cơ sở dữ liệu khoa học xã hội	Viện nghiên cứu; trường đại học; thư viện	Sử dụng, trích dẫn	200-400
IV.3.3	D^{KS}	Bộ dữ liệu khảo sát xã hội học quy mô lớn	Viện nghiên cứu; trường đại học; thư viện	Sử dụng lại trong nghiên cứu	200-400
IV.3.4	D^{KP}	Khung phân tích hoặc phương pháp nghiên cứu mới	Tạp chí khoa học quốc tế; viện nghiên cứu; trường đại học	Trích dẫn, áp dụng	100-200
IV.3.5	D^{KL}	Khung lý thuyết hoặc cách tiếp cận nghiên cứu mới được thừa nhận	Tạp chí Web of Science/Scopus; viện nghiên cứu; trường đại học	Trích dẫn, phản biện học thuật	300-500

STT	Ký hiệu	Mô tả	Nơi tiếp nhận	Minh chứng	Kinh phí
IV.4	<i>Phổ biến kết quả nghiên cứu đến cộng đồng</i>				
IV.4.1	P^{DT}	Chương trình đào tạo, giáo trình từ kết quả nghiên cứu	Trường đại học; học viện; cơ sở đào tạo	Quyết định sử dụng, đề cương môn học	150-300
IV.4.2	P^{CS}	Bài viết phản biện xã hội, đóng góp chính sách	Báo chí trung ương/địa phương; hội thảo cấp bộ/tỉnh/thành phố	Link bài, kỷ yếu hội thảo	20-40

V. Danh mục một số sản phẩm khoa học và công nghệ/trung gian tham khảo

STT	Nhóm sản phẩm	Mô tả
V.1	<i>Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, sản phẩm</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy trình công nghệ
		Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
		Quy trình kỹ thuật lâm sàng/Guideline được Bộ Y tế phê duyệt
V.2	<i>Giải pháp công nghệ và mô hình</i>	Giải pháp, quy trình vận hành; mô hình động lực học, mô phỏng số
		Giải pháp, quy trình vận hành; ứng dụng trong kiểm soát an toàn thực phẩm, kiểm tra giám sát chất lượng thực phẩm, thuốc
		Giải pháp công nghệ hoàn chỉnh (Turn-key Solution)
V.3	<i>Vật liệu, giống, sản phẩm khoa học</i>	Mẫu vật liệu/chất liệu mới được công nhận
		Giống cây trồng/vật nuôi mới/vi sinh vật chức năng; quy trình canh tác bền vững
		Sản phẩm công nghệ chiến lược
		Sản phẩm khoa học và công nghệ quốc gia được công nhận

STT	Nhóm sản phẩm	Mô tả
V.4	<i>Phần mềm, phần cứng, công cụ</i>	Bộ kit, bộ công cụ (toolkit) kỹ thuật
		Phần mềm nhúng (Embedded Software), Firmware
		Nền tảng phần cứng (Hardware Platform)
		Phần mềm/thiết bị y tế
V.5	<i>Thuốc, vaccine, y tế</i>	Thuốc/vaccine được cấp phép
		Công thức/quy trình sản xuất sản phẩm/nguyên liệu ứng dụng trong y tế, dược phẩm
V.6	<i>Công thức sản xuất và ứng dụng</i>	Công thức/quy trình sản xuất sản phẩm/nguyên liệu chăm sóc cá nhân
		Công thức/quy trình sản xuất sản phẩm/nguyên liệu ứng dụng trong nông, lâm, ngư nghiệp
		Công thức/quy trình sản xuất sản phẩm/nguyên liệu ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm, an toàn thực phẩm